

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI PHÂN HIỆU TẠI TP HỒ CHÍ MINH

Đề thi môn: Công nghệ Java

Mã đề: 3

Câu 1: Java Virtual Machine là gì?

- *A. Là một thành phần của Java platform dùng để đọc mã bytecode trong file .class
- B. Là chương trình biên dịch của java dùng để biên dịch file nguồn java thành mã bytecode.
- C. Là chương trình chạy cho java
- D. Tất cả đều đúng

Câu 2: Thứ tự các từ khóa public và static khi khai báo như thế nào?

- A. public đứng trước static
- B. static đứng trước public
- *C. Thứ tự bất kỳ nhưng thông thường public đứng trước
- D. Tất cả đều sai.

Câu 3: Khi biên dịch gặp lỗi Exception in thread main java.lang.NoClassDefFoundError: myprogram. Lỗi này có nghĩa gì?

- *A. Đường dẫn chương trình sai.
- B. Không có hàm main
- C. Không khai báo class
- D. Không có từ khóa public tại mở đầu khai báo class

Câu 4: Khai báo lớp nào dưới đây là đúng?

- A. public class default { }
- B. protected inner class engine { }
- *C. final class outer { }
- D. Tất cả đều sai.

Câu 5: Chọn câu trả lời đúng nhất. Interface là gì?

- A. Là lớp chứa các cách rỗng có liên quan với nhau.
- *B. Là một kiểu tham chiếu, tương tự như class, chỉ có thể chứa hằng giá trị, khai báo cách và kiểu lồng.
- C. Là một cách thực hiện của lớp khác.
- D. Là lớp nối giữa lớp cơ sở và lớp cha.

Câu 6: Để sử dụng giao diện Xedap cho lớp Xedap1, ta làm thế nào?

- A. class Xedap1 implement Xedap { }
- B. public class Xedap1 implement Xedap { }

- *C. class Xedap1 implements Xedap { }
- D. public class Xedap1 extends Xedap { }
- *1 Trường dữ liệu là các biến dạng nào sau đây?
- A. Biến thay mặt và Tham số
- *B. Biến thay mặt và biến lớp
- C. Biến thay mặt và biến cục bộ
- D. Biến lớp và Tham số

Câu 7:Đoạn mã sau có lỗi biên dịch gì?

- *A. Không có lỗi biên dịch
- B. name has private access.
- C. age has protected access.
- D. name has public access.

Câu 8:Tùy chọn nào sau đây dẫn đến tính di động và bảo mật của Java?

- *A. Bytecode được thực thi bởi JVM
- B. Applet làm cho mã Java an toàn và di động
- C. Sử dụng xử lý ngoại lệ
- D. Liên kết động giữa các đối tượng

Câu 9:Có bao nhiêu kiểu dữ liệu cơ sở trong Java?

- A. 7
- *B. 8
- C. 9
- D. 5

Câu 10:Biến f nào sau đây là biến đại diện?

- *A. float f;
- B. public static f;
- C. double CA(int f)
- D. Không có giá trị đúng

Câu 11:Biểu thức float a = 35/0 trả về kết quả gì?

- A. 0
- B. Not a Number
- *C. Infinity
- D. Runtime exception

Câu 12:Cho chuỗi ký tự s="ABCDEF". Để lấy ký tự thứ 'E' của chuỗi ký tự s(String) dùng câu lệnh nào sau đây?

- A. s.charAt(5)
- *B. s.charAt(4)
- C. s[5]
- D. s[4]

Câu 13:Phát biểu nào sau đây là đúng (có thể chọn nhiều):

- A. Mảng có thể lưu giữ các phần tử thuộc nhiều kiểu dữ liệu khác nhau
- *B. Chỉ số của mảng có thể sử dụng kiểu số thực (float, double)
- C. Biểu thức array.length được sử dụng để trả về số phần tử trong mảng
- D. Một phần tử của mảng không thể truyền vào trong một phương thức.

Câu 14: Công cụ nào sau đây được sử dụng để tạo tài liệu API ở định dạng HTML từ doc comments trong source code?

- A. javap tool
- B. javaw command
- *C. Javadoc tool
- D. javah command¹